

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2019/KDTM-ST.**

Ngày 06 tháng 11 năm 2019.

*V/v Tranh chấp Hợp đồng giao nhận
vận chuyển hàng hóa.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đồng Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thế Vinh.

2. Bà Đào Phương Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số: 59/2017/TLST-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng giao nhận vận chuyển hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty cổ F

Trụ sở: Số 2 phố Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Công Thành - Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Vũ Thị Thật (có mặt).

Theo văn bản ủy quyền số 01.2018-FCL/VNT-UQ ngày 23/4/2018

*** Bị đơn:** Công ty cổ phần Z (VMMT)

Trụ sở: Số 92B phố Thọ Nhuộm, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Địa chỉ hoạt động: Tầng 1, Tòa nhà NO2A, khu đô thị mới Sài Đồng, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Hà Nội

Nay chuyển đến tầng 2 số 562 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và ý kiến trình bày của đại diện nguyên đơn tại Tòa án như sau:

Công ty cổ phần giao nhận vận tải ngoại thương (viết tắt VNT) và Công ty cổ phần Z (viết tắt VMMT) hợp tác làm ăn từ năm 2013. Quá trình hợp tác có giao kết 3 hợp đồng, với mục đích công ty VMMT thuê công ty VNT vận chuyển hàng hóa quốc tế gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng số 001/HĐ/VMT/VNT ngày 25/12/2013;

- Hợp đồng số 002/HĐ/VMT/VNT ngày 04/01/2014;
- Hợp đồng số 003/HĐ/VMT/VNT ngày 01/01/2014

Sau đó hai bên làm việc với nhau căn cứ theo bill of landing(BL) với tổng trị giá cước và phụ phí là 2.019.223.061 VNĐ. VMMT đã thanh toán cho VNT, cụ thể như sau:

- Ngày 28/3/2014 VMMT thanh toán cho VNT 150.000.000 đồng
- Ngày 03/4/2014 VMMT thanh toán cho VNT 208.282.941 đồng.
- Ngày 29/4/2014 VMMT thanh toán cho VNT 262.000.000 đồng.
- Ngày 16/5/2014 VMMT thanh toán cho VNT 400.000.000 đồng.
- Ngày 04/6/2014 VMMT thanh toán cho VNT 100.000.000 đồng.
- Ngày 23/7/2014 VMMT thanh toán cho VNT 300.000.000 đồng.
- Ngày 26/9/2014 VMMT thanh toán cho VNT 20.000.000 đồng.
- Ngày 17/10/2014 VMMT thanh toán cho VNT 50.000.000 đồng.
- Ngày 29/10/2014 VMMT thanh toán cho VNT 186.552.032 đồng.

VNT còn nợ lại VMMT 342.388.030 đồng. Nhiều lần VMMT yêu cầu VNT thanh toán số nợ trên nhưng VNT không thanh toán.

Các hợp đồng số 001, 002 ở trên 2 bên đã ký thanh quyết toán xong.

Ngày 12/5/2015, ông Phạm Văn Mạnh(kế toán trưởng của VNT) có gửi công văn số 0108-CV-VMMT về việc tháo gỡ tồn tại giữa hai bên, theo đó VNT cam kết sẽ hoàn tất công nợ còn lại(342.388.030 đồng) trong vòng 04 tháng kể từ ngày có công văn. Tuy nhiên, cho đến nay rất nhiều lần VMMT yêu cầu VNT thanh toán như VNT vẫn không thanh toán

Sau khi kết thúc hợp đồng số 003, hai bên chưa ký hợp đồng tiếp theo.

Ngày 07/5/2014, công ty VMMT thuê VNT vận chuyên lô hàng có số bill 1004A02112 có giá trị khoảng 290 triệu đồng.

Bản chính bill số 1004A02112, VNT đã giao cho công ty VMMT, hiện nay VNT chỉ có bản photo.

Tại bill này thể hiện:

- Bên bán hàng là công ty VMMT
- Bên mua hàng là Công ty SINO METAL&MINERAL CO.LTD
- Hãng tàu WAN HAI, số hiệu tàu: WAN HAI 102 NO32
- Cảng đi: Hải Phòng, Việt Nam
- Cảng đến: Vizag, Ấn Độ.
- Đại lý hãng tàu: OMEGA SHIPPING AGENCY PVT LTD
- Số lượng công: 20 công (tương đương 400 túi) (có mô tả chi tiết về chủng loại, màu sắc hàng hóa và trọng lượng hàng hóa)
- Phương thức thanh toán: trả trước tại Việt Nam, số lượng bill gốc là 3
- Ngày tàu chạy là 07/5/2014

Sau khi hết thời hạn hợp đồng số 003, ngoài lô hàng có số bill 1004A02112, hai bên còn thực hiện 3 lô hàng nữa và các lô hàng này đã thanh toán xong.

VNT khẳng định bill 1004A02112 vẫn nằm trong Hợp đồng số 003 (theo điều 5 của hợp đồng số 003 quy định: *Hợp đồng có hiệu lực đến ngày 31/3/2014. Sau thời*

hạn trên nếu hai bên không có thỏa thuận lại, hợp đồng mặc nhiên được gia hạn cho đến khi hai bên cùng nhau thống nhất ký kết lại hợp đồng mới)

Nay nguyên đơn đề nghị bị đơn phải thanh toán số tiền 342.388.030 đồng nợ gốc và 101.054.640 đồng tiền lãi phát sinh (tạm tính đến ngày 29.9.2017).

VNT xác nhận đã nhận số tiền mặt là 200.000.000đ từ ông Đào Văn Thuận là nhân viên của công ty VMMT thanh toán. Tuy nhiên do VNT chưa rõ số tiền 200.000.000đ là số tiền của cá nhân ông Thuận hay của công ty VMMT nên VNT chưa đối trừ vào số nợ của công ty VMMT. Nếu Công ty VMMT xuất trình được chứng cứ công ty VMMT đã trả cho ông Thuận số tiền 200.000.000 đồng VNT sẽ đối trừ vào số nợ của công ty VMMT và số nợ gốc còn lại sẽ là 142.388.030 đồng.

* Tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

VNT xác nhận giữa hai bên có giao kết các hợp đồng như đại diện nguyên đơn trình bày.

VNT chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền là 142.388.030 đồng. Vì, ông Đào Văn Thuận là nhân viên của công ty Công nghệ đã thanh toán cho nguyên đơn bằng tiền mặt số tiền là 200.000.000đ (đã có phiếu thu của công ty Giao nhận). Số tiền này công ty VNT đã thanh toán trả cho ông Thuận 200.000.000đ. Về số tiền lãi và lãi suất VNT có ý kiến sau.

VNT xuất trình cho Tòa án bản phô tô có đóng dấu của VMMT Phiếu thu tiền mặt đề ngày 20/11/2014 do VMMT phát hành, trong đó thể hiện:

Người nộp tiền: Công ty Cổ phần công nghệ mỏ và luyện kim Việt Nam.

Về việc: Thu tiền đặt cọc.

Số tiền: 200.000.000 đồng.

Ở dưới có chữ ký của thủ quỹ: Phạm Thị Thanh Tâm

* *Tại phiên tòa:*

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác nhận đến ngày 01/11/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 142.388.030 đồng, đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần Z phải thanh toán số tiền 142.388.030 đồng tiền gốc. Về tiền lãi: Theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 003/HĐ/VMT/VNT ngày 01/01/2014, thì bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn ngay sau khi hàng lên tàu. Theo Bill of Lading số 1004A02112, ngày tàu chạy là 07/5/2014. Như vậy, phát sinh nghĩa vụ thanh toán từ ngày 09/6/2014, do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi từ ngày 09/6/2014. Về lãi suất, theo Điều 4.1 của Hợp đồng quy định: *Trong trường hợp không thực hiện việc thanh toán cước và phí trong thời gian thỏa thuận thì bị đơn phải trả thêm mỗi tháng một khoản tiền bằng 1,5% lãi suất theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Vietcombank trên tổng số tiền đang nợ quá hạn.* Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi của số tiền 142.388.030 đồng do chậm thanh toán từ ngày 09/6/2014 cho đến ngày 01/11/2019 với lãi suất 9%/năm, Ngoài ra bị đơn còn phải thanh toán tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán kể từ ngày 02/11/2019 cho đến khi thanh toán xong với lãi xuất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, Agribank tại thời điểm thanh toán

Phía bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng, thời gian chuyển hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu là đúng với quy định của pháp luật. Về thời hạn giải quyết vụ án đã quá thời hạn theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng:

Công ty cổ phần giao nhận vận tải ngoại thương (viết tắt VNT) khởi kiện Công ty cổ phần Z (viết tắt VMMT) có trụ sở theo đăng ký kinh doanh tại Số 92B phố Thọ Nhuộm, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, yêu cầu Tòa án buộc Công ty VMMT phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền mà công VMMT còn nợ công ty VNT theo hợp đồng kinh tế Giao nhận vận chuyển hàng hóa mà hai bên đã ký kết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần giao nhận vận tải ngoại thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

Tòa án đã triệu tập lần thứ 2 mà bị đơn vắng và không có người đại diện đến tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về Nội dung:

* Tại Tòa án, đại diện của Công ty cổ phần F và đại diện Công ty cổ phần Z (VMMT) đều xác nhận giữa 02 công ty VMMT và công ty VNT có giao kết các hợp đồng kinh tế sau: Hợp đồng số 001/HĐ/VMT/VNT ngày 25/12/2013; Hợp đồng số 002/HĐ/VMT/VNT ngày 04/01/2014; Hợp đồng số 003/HĐ/VMT/VNT ngày 01/01/2014 về việc giao nhận vận chuyển hàng hóa. Hợp đồng cuối hai bên giao kết với nhau là Hợp đồng số 003/HĐ/VMT/VNT ngày 01/01/2014. Từ ý kiến trình bày của các đương sự, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định công ty VMMT và công ty VNT có giao kết các hợp đồng kinh tế về việc Giao nhận vận chuyển hàng hóa nêu trên.

* Về việc thực hiện các đơn hàng sau khi hai bên thực hiện hợp đồng số 003/HĐ/VMT/VNT ngày 01/01/2014. Phía bị đơn đề nghị làm rõ Hợp đồng hoặc cam kết giữa hai bên về việc vận chuyển lô hàng theo Bill số 1004A02112 và quy định hoặc thỏa thuận của hai bên về việc giữ hàng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Điều 5 của Hợp đồng số 003/HĐ/VMT/VNT ngày 01/01/2014 có quy định:

“Hợp đồng có hiệu lực đến ngày 31/3/2014. Sau thời hạn trên nếu hai bên không có thỏa thuận lại, hợp đồng mặc nhiên được gia hạn cho đến khi hai bên cùng nhau thống nhất ký kết lại hợp đồng mới”

Các bên không xuất trình được bản gốc của Bill số 1004A02112, tuy nhiên theo Công văn số 092-CV-VMMT ngày 10/11/2014 và công văn số 0108-CV-VMMT ngày 12/5/2014 về việc tháo gỡ tồn tại giữa hai bên của Công ty CP công nghệ mô và luyện kim Việt Nam, VMMT cũng đã thừa nhận sau khi hết hạn hợp đồng số

003/HĐ/VMT/VNT hai bên vẫn thực hiện các đơn hàng khác. Như vậy, có cơ sở xác định các đơn hàng phát sinh sau ngày 31/3/2014 (ngày hết hạn của hợp đồng số 003/HĐ/VMT/VNT) vẫn có giá trị thực hiện và tuân thủ các điều khoản của hợp đồng số 003/HĐ/VMT/VNT.

* Về việc thanh toán: Theo các tài liệu chứng cứ do các bên giao nộp và ý kiến trình bày tại Tòa án các bên đều thừa nhận đến ngày 10/11/2014, VMĐT còn nợ VNT số tiền là 342.388.030 đồng.

Theo tài liệu do VMĐT cung cấp là Phiếu thu tiền mặt đề ngày 20/11/2014 do VNT phát hành thể hiện: Ngày 20/11/2014, VMĐT đã thanh toán cho VNT số tiền 200.000.000 đồng. Tại phiếu thu tiền có ghi nội dung thu là Tiền đặt cọc. Tuy nhiên, tại Tòa án phía nguyên đơn thừa nhận số tiền 200.000.000 đồng theo phiếu thu ngày 20/11/2014 là số tiền do ông Đào Văn Thuận là nhân viên của công ty Công nghệ thanh toán cho công ty VMĐT nhưng không rõ là tiền của cá nhân ông Thuận hay là tiền công ty. Tại Biên bản Hòa giải ngày 30/01/2018, người đại diện theo ủy quyền của VMĐT thừa nhận “Số tiền này công ty chúng tôi đã thanh toán trả cho ông Thuận 200.000.000đ”. Mặt khác tại Phiếu thu tiền mặt đã ghi rõ: “Người nộp tiền: Công ty Cổ phần công nghệ mở và luyện kim Việt Nam”. Như vậy có cơ sở xác định ngày 20/11/2014, VMĐT đã thanh toán nợ cho VNT số tiền 200.000.000 đồng và còn nợ lại VNT số tiền là 142.388.030 đồng.

* Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo Bill of Lading số 1004A02112 ngày 07/5/2014 do nguyên đơn xuất trình thể hiện VMĐT thuê Hãng tàu WAN HAI, số hiệu tàu: WAN HAI 102 NO32 vận chuyển Số lượng công: 20 công (tương đương 400 túi), ngày tàu chạy là 07/5/2014.

Tại Điều 3 của hợp đồng số 003/HĐ/VMT/VNT quy định về thanh toán: “Hạn mức tín dụng: Vnd 500.000.000 (năm trăm triệu đồng Việt nam) khi tổng số tiền cước phí vượt quá hạn mức tín dụng thì việc thanh toán cần được thực hiện ngay khi hàng lên tàu.”. Theo Biên bản đối chiếu công nợ giữa VMĐT và VNT ngày 20/4/2014 thì VMĐT còn nợ VNT 1.091.276.945 đồng, Bản đối chiếu công nợ ngày 08/7/2014 VMĐT còn nợ VNT 712.388.088 đồng. Như vậy, số tiền VMĐT nợ và số tiền cước phí theo Bill of Lading số 1004A02112 đã vượt quá hạn mức tín dụng. Căn cứ vào thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng thì VMĐT có nghĩa vụ thanh toán cho VNT ngay sau khi hàng lên tàu 07/5/2014, tuy nhiên đến nay VMĐT chưa thanh toán. Do vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VNT buộc VMĐT phải thanh toán cho VNT số tiền nợ là 142.388.030 đồng.

* Về tiền lãi do chậm thanh toán:

Tại Tòa án, nguyên đơn đề nghị VMĐT phải thanh toán số tiền lãi của số tiền 142.388.030 đồng từ ngày 09/6/2014

Tại Điều 3 của hợp đồng số 003/HĐ/VMT/VNT quy định về thanh toán: “Hạn mức tín dụng: Vnd 500.000.000 (năm trăm triệu đồng Việt nam) khi tổng số tiền cước phí vượt quá hạn mức tín dụng thì việc thanh toán cần được thực hiện ngay khi hàng lên tàu.”. Như đã phân tích ở trên thì VMĐT có nghĩa vụ thanh toán cho VNT ngay sau khi hàng lên tàu 07/5/2014. Tại Tòa án phía nguyên đơn yêu cầu VMĐT thanh toán tiền lãi từ ngày 09/6/2014 đến khi thanh toán xong với mức lãi suất là 9%/năm

nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán. Như vậy, VMMT đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 09/6/2014.

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại bị đơn phải chịu số tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Theo mức lãi suất cho vay trung bình của các ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, Agribank có mức lãi suất cho vay tại thời điểm xét xử từ 7,5%/năm đến 10%/năm. Như vậy, lãi suất quá hạn sẽ trên 9%/năm. Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 9%/năm và thời điểm tính lãi từ ngày 09/6/2014 đến ngày 01/11/2019. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái pháp luật nên được chấp nhận. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi của số tiền 142.388.030 đồng theo mức lãi suất 9%/năm kể từ ngày 09/6/2014 đến ngày 01/11/2019(1970 ngày) là:

$$142.388.030 \text{ đồng} \times 1970 \text{ ngày} \times (9\% : 365 \text{ ngày}) = 69.165.473 \text{ đồng.}$$

Tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 01/11/2019 là: 211.553.503 đồng

Ngoài số tiền gốc, lãi Công ty CP công nghệ mỏ và luyện kim Việt Nam(VMMT) phải thanh toán cho Công ty cổ phần giao nhận ngoại thương Việt Nam(VNT) tính đến ngày 01/11/2019 như trên, Công ty CP công nghệ mỏ và luyện kim Việt Nam(VMMT) còn phải chịu số tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, Agribank trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả kể từ ngày 02/11/2019 cho đến khi thanh toán xong.

Về án phí: Công ty CP công nghệ mỏ và luyện kim Việt Nam(VMMT) phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty cổ phần giao nhận ngoại thương Việt Nam(VNT) không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 290, 305 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 668 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 306 Luật thương mại.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điều 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần giao nhận ngoại thương Việt Nam(VNT) đối với Công ty CP công nghệ mỏ và luyện kim Việt Nam(VMMT).

2. Buộc Công ty CP công nghệ mỏ và luyện kim Việt Nam(VMMT) phải thanh toán cho Công ty cổ phần giao nhận ngoại thương Việt Nam(VNT) số tiền gốc và lãi tính đến ngày 01/11/2019, như sau:

Tiền gốc: 142.388.030 đồng

Tiền lãi: 69.165.473 đồng.

Tổng cộng: 211.553.503 đồng(hai trăm mười một triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, năm trăm linh ba đồng)

3. Ngoài số tiền gốc, lãi Công ty CP công nghệ mỏ và luyện kim Việt Nam(VMMT) phải thanh toán cho Công ty cổ phần giao nhận ngoại thương Việt Nam(VNT) tính đến ngày 01/11/2019 như trên, Công ty CP công nghệ mỏ và luyện kim Việt Nam(VMMT) còn phải chịu số tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, Agribank trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả kể từ ngày 02/11/2019 cho đến khi thanh toán xong.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Công ty CP công nghệ mỏ và luyện kim Việt Nam(VMMT) phải chịu án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm là 10.577.675 đồng.

Trả lại cho Công ty cổ phần giao nhận ngoại thương Việt Nam(VNT số tiền tạm ứng đã nộp là 10.860.000 đồng theo biên lai số 02403 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội ngày 20/11/2017

6. Quyền kháng cáo: Công ty cổ phần giao nhận ngoại thương Việt Nam(VNT) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty CP công nghệ mỏ và luyện kim Việt Nam(VMMT) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhân:

- VKS ND quận Hoàn Kiếm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đồng Trung
(Đã ký)